

Số: 648/TMBG-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 8 tháng 5 năm 2024

Mời báo giá cung cấp vật tư dự phòng phục vụ nhu cầu  
sửa chữa, thay thế thiết bị Nhà máy thủy điện Đồng nai 5

Kính gửi: ...*Các nhà cung cấp có quan tâm*.....

Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV đang có nhu cầu tìm hiểu và khảo sát giá nhằm phục vụ công tác lập dự toán cung cấp vật tư dự phòng phục vụ nhu cầu sửa chữa, thay thế thiết bị Nhà máy trong thời gian tới.

Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV kính mời các nhà cung cấp có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá cung cấp vật tư dự phòng phục vụ nhu cầu sửa chữa, thay thế thiết bị Nhà máy như sau:

**1. Yêu cầu về thiết bị:**

- **Chi tiết thiết bị:** Bao gồm các nội dung tên hàng hóa, thông số kỹ thuật/quy cách, số lượng chi tiết như phục lục đính kèm.

- **Yêu cầu về thiết bị:**

+ Các vật tư hàng hóa còn mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có mã hiệu, thông số kỹ thuật rõ ràng, đầy đủ.

+ Nhà cung cấp đính kèm báo giá các tài liệu kỹ thuật của thiết bị, catalog của nhà sản xuất, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về thông số kỹ thuật của thiết bị để chứng minh thiết bị đề xuất đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật.

+ Nhà cung cấp báo giá thiết bị bao gồm cả hỗ trợ cấu hình, cài đặt chương trình.

+ Đối với thiết bị mà nhà cung cấp báo giá là loại tương đương hoặc tốt hơn thì phải kèm theo tài liệu chứng minh tương đương hoặc tốt hơn loại thiết bị mà Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV yêu cầu và lập bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, thời hạn sử dụng.

**2. Các yêu cầu về năng lực nhà cung cấp:**

Nhà Cung cấp cung cấp bộ hồ sơ năng lực của mình cho Bên mời cung cấp nhưng không giới hạn và bao gồm một số yêu cầu tối thiểu như sau:

- Bản giới thiệu năng lực Công ty rõ ràng về địa chỉ trụ sở làm việc, văn phòng đại diện, chi nhánh (nếu có).

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (bản sao công chứng hoặc bản sao đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).

- Trước khi báo giá nhà cung cấp có thể khảo sát kích thước, thông số kỹ thuật hiện trạng thực tế tại Nhà máy Thủy Điện Đồng Nai 5 nhằm đảm bảo hàng hóa cung cấp phù hợp với thiết bị hiện tại của nhà máy.

**3. Các yêu cầu về thương mại:**



- Báo giá phải ghi rõ tên hàng hóa, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng hàng hóa, tổng giá trị đơn hàng chưa có thuế và đã có thuế GTGT.

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí, bảo hiểm các loại (nếu có) theo quy định của Nhà nước.

- Địa điểm cung cấp: Kho Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV. Địa chỉ: xã Lộc Bắc, huyện Bảo lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Thời gian cung cấp: 60 ngày từ khi hai bên ký hợp đồng.

- Hình thức thanh toán: Nhà cung cấp đề xuất hình thức thanh toán và các điều khoản thương mại kèm theo báo giá.

- Thời gian bảo hành:  $\geq 12$  tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.

- Hiệu lực của báo giá:  $\geq 60$  ngày kể từ ngày mở báo giá.

- Nhà cung cấp báo giá toàn bộ cho đơn hàng cung cấp.

- Thiết bị được báo giá phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ, nguồn gốc hợp pháp và có CO/CQ.

#### 4. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá, Biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trực tiếp về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại 02633976888. (Ghi chú: Hồ sơ báo giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị), hoặc gửi qua đồng thời 2 địa chỉ Email: vanthudn5.2012@gmail.com và tochuyengiadm5@gmail.com.

Thời gian nhận báo giá: Không chậm hơn 13 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Website TKV ( Để đăng tải);
- Trang Website dienluctkv.vn ( Để đăng tải);
- Lưu Văn thư, KHVTĐT (D 01)



Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1

Danh mục cung cấp vật tư dự phòng phục vụ nhu cầu sửa chữa, thay thế thiết bị Nhà máy  
(Kèm theo thư mời báo giá số 648/TMBG-ĐN5 ngày 8 tháng 5 năm 2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

| STT | Tên vật tư/thiết bị                       | Quy cách vật tư/thiết bị                                                                                                                                                                              | Hãng sản xuất /<br>Xuất xứ | ĐVT | Số<br>lượng | Đơn giá<br>(đồng) | Thành<br>tiền<br>(đồng) | Thời<br>gian bảo<br>hành |
|-----|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----|-------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| 1   | Thiết bị giám sát chốt cánh<br>hướng      | Tín hiệu đầu vào: Thường mở hoặc<br>thường đóng của chốt cánh hướng.<br>Số đầu vào: 1 đến 30;<br>Điện áp làm việc: DC24V;<br>Tiếp điểm đầu ra: 5A/250V AC,<br>5A/30V DC;<br>Công suất tiêu thụ: ≤10 W |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 2   | Bo mạch phân chia dòng điện<br>thông minh | EXC910JL<br>Nhà sản xuất Guangzhou Kinte<br>Industrial Co., Ltd<br>Bao gồm cài đặt chương trình và có<br>hỗ trợ từ hãng sx                                                                            |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 3   | Bo mạch analog                            | EXCAnalog1.0<br>Nhà sản xuất Guangzhou Kinte<br>Industrial Co., Ltd<br>Bao gồm cài đặt chương trình và có<br>hỗ trợ từ hãng sx                                                                        |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 4   | Bo mạch chuyển đổi DC                     | EXC900P<br>Nhà sản xuất Guangzhou Kinte<br>Industrial Co., Ltd<br>Bao gồm cài đặt chương trình và có                                                                                                  |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |

| STT | Tên vật tư/thiết bị                      | Quy cách vật tư/thiết bị                                                                                                  | Hãng sản xuất /<br>Xuất xứ | ĐVT | Số<br>lượng | Đơn giá<br>(đồng) | Thành<br>tiền<br>(đồng) | Thời<br>gian bảo<br>hành |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----|-------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
|     |                                          | hỗ trợ từ hãng sx                                                                                                         |                            |     |             |                   |                         |                          |
| 5   | Bo mạch BOD                              | EXC900N<br>Nhà sản xuất Guangzhou Kinte<br>Industrial Co., Ltd<br>Bao gồm cài đặt chương trình và có<br>hỗ trợ từ hãng sx |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 6   | Van reset                                | 4WE6Y62/EG24N9K4<br>MNR: R900561276<br>Rexroth                                                                            |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 7   | Van chuyển chế độ tự động,<br>bằng tay   | 4WE10J50/EG24N9K4/M<br>(126325144)<br>Rexroth                                                                             |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 8   | Van dùng sự cố Accident (dùng<br>2 bước) | 4WE6D61B/OFCG220N12Z5L<br>(01181121943)<br>Rexroth                                                                        |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 9   | Van chốt lock secvor                     | 4WE10D3X/OFCG220N9K4<br>MNR: R900589988<br>Rexroth                                                                        |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 10  | Cụm Van 1 chiều                          | 4WH10E20B/10 (0122116278)<br>Y 0109353135 Z2S6 40B<br>Rexroth                                                             |                            | Cái | 1           |                   |                         |                          |
| 11  | Bộ hòa đồng bộ                           | SDQ801                                                                                                                    |                            | Bộ  | 1           |                   |                         |                          |

| STT               | Tên vật tư/thiết bị   | Quy cách vật tư/thiết bị | Hãng sản xuất /<br>Xuất xứ | ĐVT | Số<br>lượng | Đơn giá<br>(đồng) | Thành<br>tiền<br>(đồng) | Thời<br>gian bảo<br>hành |
|-------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------------|-----|-------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
|                   |                       | SAC hoặc tương đương     |                            |     |             |                   |                         |                          |
|                   | Thành tiền trước thuế |                          |                            |     |             |                   |                         |                          |
|                   | Thuế VAT              |                          |                            |     |             |                   |                         |                          |
|                   | Tổng cộng sau thuế    |                          |                            |     |             |                   |                         |                          |
| ( Bảng chữ:.....) |                       |                          |                            |     |             |                   |                         |                          |



